

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-PT
Ngày 16-4-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuyền

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy
Bà Phạm Thị Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 tháng 4 và 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2019/TLPT-DS ngày 05/01/2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2019/DS-ST ngày 30/11/2019 của Tòa án nhân dân quận HA, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1010/2019/QĐ-PT ngày 14/3/2019 và Thông báo về việc thay đổi lịch phiên tòa số 1272/TB-TA ngày 28/3/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* : Anh Vũ Mạnh D, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn SL, xã MT, huyện KT, thành phố Hải Phòng; có mặt

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số 4/369 đường DH, phường DH, quận HA, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Văn K và ông Trần Sỹ H - Luật sư của Văn phòng Luật sư AStuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Ông K có mặt, ông H vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Tạ Ngọc B1 - Luật sư của Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn BATHUỘC Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Số 2D ngõ 38/23/15 đường XL, quận TH, thành phố Hà Nội; có mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* Ông Nguyễn Văn N và bà Vũ Thị T1; cùng cư trú tại: Thôn DL 1, xã ĐH, huyện YD, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Vũ Văn Q và bà Nguyễn Thị Đ; cùng cư trú tại: Thôn SL, xã MT, huyện KT, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Sỹ H; cư trú tại: CH813 – ĐNB – Nhà 17T – KNO.TDP PK, phường TV, quận NTL, thành phố Hà Nội, là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (Văn bản ủy quyền ngày 14/11/2018).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn K, là Luật sư của Văn phòng Luật sư AS thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

- *Người làm chứng:*

+ Bà Đinh Thị B; cư trú tại: Số nhà 07/369 đường ĐH, phường ĐH, quận HA, thành phố Hải Phòng.

+ Ông Bùi Văn D1 và bà Trần Thị Sinh; cùng cư trú tại: Số 150 đường ĐH, tổ dân phố số 4, phường ĐH, quận HA, thành phố Hải Phòng.

+ Ông Nguyễn Ngọc H2; cư trú tại: Số 87 SD, quận HB, thành phố Hải Phòng.

+ Ông Trần Cao N1; cư trú tại: Số 29/26 HK, Khu E1, phường CB, quận HA, thành phố Hải Phòng.

Toàn bộ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều vắng mặt do Tòa án không triệu tập.

- *Người kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị T - là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm:

Anh Vũ Mạnh D và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trảng Cát, quận HA, thành phố Hải Phòng ngày 10/12/2007. Anh chị có 02 con chung là Vũ Ngọc Lan sinh ngày 01/11/2008 và Vũ Đức D1 sinh ngày 27/10/2011.

Anh Vũ Mạnh D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn, anh chị sống cùng với bố mẹ đẻ anh tại xã MT, huyện KT, đến đầu năm 2009 thì chuyển về sinh sống tại số 4/369 Khu II Lũng Đông, phường ĐH, quận HA, thành phố Hải Phòng cho đến nay. Quá trình chung sống, thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Từ khoảng giữa năm 2015, khi anh ra công tác tại đảo Trường Sa thì vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh không còn tin tưởng chị T về mặt tình cảm, dẫn đến hai bên có những lời nói và hành động thiếu tôn trọng nhau. Gia đình và đơn vị nơi anh chị cùng công tác đã hòa giải động viên nhiều lần, nhưng vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung mà mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, sâu sắc hơn. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 02/2017 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, kéo dài cuộc sống hôn nhân như hiện tại chỉ gây ràng buộc lẫn nhau nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn chị T để ổn định cuộc sống và yên tâm công tác.

Về con chung: Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung vì anh không yên tâm với cách nuôi dạy con của chị T và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 300.000 đồng/tháng/con (ba trăm nghìn đồng trên một tháng trên một con). Trường hợp yêu cầu này của anh không được Tòa án chấp nhận, thì anh đề nghị Tòa án giao con chung Vũ Đức D1 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Ngọc Lan, vì cháu Lan là con gái nên cần có sự chăm sóc dạy bảo của người mẹ hơn.

Về tài sản chung: Anh và chị T không có tài sản chung gì ngoài một số đồ dùng phục vụ sinh hoạt trị giá không lớn nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia.

Về nợ chung: Quá trình chung sống, năm 2010 anh và chị T có vay của ông Nguyễn Văn Lục là chú ruột chị T ở Tuyên Q mấy cây vàng (anh không nhớ số lượng cụ thể) và vay của bố mẹ đẻ chị T là ông Nguyễn Văn N và bà Vũ Thị T1 số tiền là 20.000.000 đồng để trang trải công việc chung. Tuy nhiên, anh chị đã trả hết các khoản nợ này. Hiện anh và chị T không còn khoản nợ chung nào.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và bị đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T thống nhất lời khai với anh D về quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng. Chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng còn và đồng ý với yêu cầu ly hôn mà anh D đưa ra.

Về con chung: Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi cả hai con chung. Nếu yêu cầu được nuôi cả hai con chung không được chấp nhận thì

chị có quan điểm được trực tiếp nuôi con chung Vũ Đức D1, sinh ngày 27/10/2011, anh D có trách nhiệm trực tiếp nuôi con chung Vũ Ngọc Lan sinh ngày 01/11/2008 và Vũ Đức D1 sinh ngày 27/10/2011, chị và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T xác định ngoài các tài sản chung là những đồ dùng phục vụ sinh hoạt, trong thời gian chung sống, vợ chồng có tạo lập được tài sản chung là ngôi nhà 01 tầng cấp 4, mái tôn kẽm, diện tích khoảng 40m² được xây trên đất mảnh đất nông nghiệp có diện tích khoảng 77,5 m² tại số 4/369 đường ĐH, khu 2 Lũng Đông, phường ĐH, quận HA, thành phố Hải Phòng có trị giá khoảng 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng; hiện chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà. Tài sản này nhận chuyển nhượng của vợ chồng anh Bùi Văn D1 và chị Trần Thị Sinh vào cuối năm 2008 với giá 140.000.000 đồng. Nhưng thời gian đó chị vừa sinh cháu Lan nên mọi thủ tục chuyển nhượng nhà đất này do anh D và bố đẻ anh D là ông Vũ Văn Q thực hiện. Vì nhà xây dựng trên đất nông nghiệp chưa được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chưa được chuyển đổi mục đích sử dụng nên khi chuyển nhượng hai bên chỉ làm giấy tờ viết tay, không có chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ông Vũ Văn Q chỉ là người ký giấy tờ, còn mọi giao dịch mua bán ban đầu là do chị và anh D thực hiện. Khi mua nhà đất này, do không có tiền nên vợ chồng bị đơn phải đi vay của người thân trong gia đình và nhờ họ vay tiền hộ. Cụ thể, bố mẹ đẻ bị đơn cho vay 50.000.000 đồng và đứng ra vay hộ của chú ruột bị đơn là Nguyễn Văn Lục ở Sơn D1, Tuyên Q mấy cây vàng (bị đơn không nhớ rõ số lượng cụ thể, nhưng số vàng đó được quy đổi ra tiền Việt Nam tại thời điểm vay là 49.600.000 đồng), vay lãi hộ của ông chú tên là Tùng (là người cho vay lãi ở quê Thanh Hóa) số tiền 30.000.000 đồng. Bố anh D cũng đi vay hộ vợ chồng bị đơn số tiền là 500 USD của một người bạn tên là Máy (quy đổi ra tiền Việt Nam tại thời điểm vay là 10.000.000 đồng). Sau khi mua nhà khoảng 03 tháng, bố mẹ anh D có cho vợ chồng vay 30.000.000 đồng, là tiền bố anh D nhận được khi về hưu để gửi về Thanh Hóa cho bố mẹ đẻ chị trả nợ khoản vay lãi của chú Tùng. Sau đó, vợ chồng phải tích góp trong nhiều năm để trả dần mới hết được số tiền nợ mua nhà đất. Riêng đối với khoản vay nợ bằng vàng của ông Nguyễn Văn Lục, do giá vàng tăng nên thời điểm trả tiền vợ chồng đã phải trả cho ông Lục số tiền là 100.000.000 đồng. Khi ông Lục đòi tiền, lúc đó anh D đang đi học, vợ chồng chị chưa có tiền trả nên bố mẹ đẻ chị lại phải vay hộ 100.000.000 đồng để trả cho ông Lục. Sau đó mấy tháng, anh D đã vay của cậu anh D tên là Vượng 50.000.000 đồng để đưa cho bố mẹ chị trả nợ, còn 50.000.000 vợ chồng trả dần cho bố mẹ chị. Đến nay, các khoản vay người ngoài khi mua nhà đất này đã được trả hết, hiện chị và anh D chỉ còn khoản nợ 30.000.000 đồng của bố mẹ anh D và 50.000.000 đồng của bố mẹ chị. Sau khi mua nhà đất, vợ chồng đã bỏ ra 25.500.000 đồng để sửa chữa nhà rồi về ở từ năm 2009 cho đến nay không sửa

chứa gì thêm, việc nộp thuế sử dụng đất hàng năm cho Nhà nước do vợ chồng thực hiện. Việc bố anh D đứng tên mua nhà đất hộ hai vợ chồng có nhiều người hàng xóm biết như bà Đinh Thị B, ông Đinh Công Thịnh, bà Nguyễn Thị Liễu; bản thân anh D cũng đã thừa nhận việc này trước đơn vị nơi bị đơn và anh D công tác có sự chứng kiến của Chính ủy Trung tâm 47 là Đại tá Đặng Văn Minh, anh Nguyễn Ngọc Hà, anh Trần Cao N1 và còn thể hiện trong biên bản kê khai tài sản do chính tay anh D viết ngày 31/3/2018. Vì vậy, bị đơn khẳng định đây là tài sản chung của vợ chồng bị đơn. Nay vợ chồng ly hôn, chị yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung là nhà đất nói trên. Cụ thể, chị đề nghị được toàn quyền sử dụng nhà đất và có trách nhiệm thanh toán cho anh D số tiền bằng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản theo kết quả định giá tài sản mà Hội đồng định giá đã đưa ra là 34.292.000 đồng.

Về nợ chung: Hiện chị và anh D còn nợ của bố mẹ đẻ anh D là ông Q và bà Đ số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng và nợ bố mẹ chị là ông N và bà T1 số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Khi ly hôn mỗi bên phải có nghĩa vụ trả một $\frac{1}{2}$ khoản nợ nói trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Vũ Thị T1 và ông Nguyễn Văn N trình bày:

Khoảng tháng 10/2008 ông bà có cho vợ chồng con gái là Nguyễn Thị T và con rể là Vũ Mạnh D vay số tiền là 50.000.000 đồng và còn đứng ra vay hộ họ một số khoản tiền để họ mua nhà đất tại số 4/369 đường ĐH, khu 2 Lũng Đông, phường ĐH, quận HA, thành phố Hải Phòng đúng như lời chị T đã trình bày trong các văn bản đã gửi cho Tòa án. Vì là bố mẹ với con nên khi cho vay tiền hai bên không viết giấy biên nhận cho nhau. Đối với các khoản tiền ông bà vay hộ, chị T và anh D đã trả hết. Hiện họ chỉ còn nợ của ông bà số tiền là 50.000.000 đồng. Trường hợp hai bên ly hôn, ông bà yêu cầu họ phải có trách nhiệm trả cho ông bà số tiền còn nợ này.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Văn Q và bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Tháng 12/2008, ông Q bà Đ đã nhận chuyển nhượng 01 mảnh đất có diện tích 78,6m² đất tọa lạc tại khu 2 phường ĐH, quận HA, thành phố Hải Phòng, trên đất có 01 nhà cấp 4 diện tích khoảng 28m² của ông Bùi Văn D1 và bà Trần Thị Sinh và để cho vợ chồng con trai là Vũ Mạnh D và con dâu là Nguyễn Thị T ở. Quá trình ở, anh D và chị T đã sửa chữa, tôn tạo để đảm bảo an ninh và cuộc sống riêng tư của 02 vợ chồng. Nay anh D và chị T ly hôn, chị T không có quyền yêu cầu chia tài sản là nhà đất này, vì đây là tài sản chung của ông Q bà Đ được mua từ nguồn tiền tích cóp của 02 vợ chồng trong nhiều năm; các giấy tờ chuyển nhượng nhà đất đều thể hiện ông Q là người nhận chuyển nhượng và trả tiền, còn anh D là

người làm chứng cho việc chuyển nhượng đó. Ông Q và bà Đ chỉ cho anh D và chị T ở nhờ. Vì thế, quá trình ở anh D và chị T đã nộp thuế sử dụng đất hàng năm thay cho ông bà cũng cũng là lẽ đương nhiên, đó không phải là căn cứ chứng minh anh D và chị T có quyền sử dụng đối với diện tích nhà đất này. Nay hai bên ly hôn thì phải trả lại nhà đất cho ông bà để sau này khi 02 cháu Vũ Ngọc Lan và Vũ Đức D1 là con chung của anh D và chị T đến tuổi trưởng thành ông bà sẽ tặng cho lại các cháu. Vì vậy, ông Q và bà Đ đề nghị Tòa án bác yêu cầu chia tài sản của chị T. Đối với số tiền 25.500.000 đồng anh D và chị T đã bỏ ra sửa chữa nhà ông Q và bà Đ sẽ hoàn trả cho anh chị ấy.

Tại Bản án sơ thẩm số 57/2018/HNGĐ-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân quận HA đã căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 5 Điều 165, điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 6 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Mạnh D và chị Nguyễn Thị T.

- Về nuôi con chung: Giao con chung Vũ Đức D1 sinh ngày 27/10/2011 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao con chung là Vũ Ngọc Lan sinh ngày 01/11/2008 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh D và chị T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- Về chia tài sản: Đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản là nhà xây trên đất nông nghiệp của chị Nguyễn Thị T do chưa có đủ điều kiện khởi kiện. Đương sự có quyền nộp đơn khởi kiện lại khi đã có đủ điều kiện khởi kiện.

- Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Vũ Thị T1 và ông Nguyễn Văn N. Buộc anh Vũ Mạnh D phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Vũ Thị T1 và ông Nguyễn Văn N số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); chị Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Vũ Thị T1 và ông Nguyễn Văn N số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo, chi phí tố tụng khác và quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự.

Ngày 10/12/2018, chị Nguyễn Thị T kháng cáo một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 57/2018/HNGĐ-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân quận HA với nội dung:

- Chị T yêu cầu giao con chung Vũ Đức D1 sinh ngày 27/10/2011 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Vũ Ngọc Lan sinh ngày 01/11/2008 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp anh D phải đi công tác biển đảo thì phải giao lại con cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Xem xét làm rõ về tài sản chung: Mặc dù chưa đủ điều kiện khởi kiện vì nhà ở trên đất nông nghiệp nhưng phù hợp quy hoạch và không có tranh chấp. Vì vậy, căn cứ Công văn số 2163/UBND-TNMT ngày 22/11/2018 của Ủy ban nhân dân quận HA cần giao nhà và tài sản gắn liền với đất theo Biên bản định giá cho chị T trực tiếp quản lý. Khi nào được Cơ quan có thẩm quyền yêu cầu cấp giấy chứng nhận nhưng các bên không tự thỏa thuận phân chia được và có yêu cầu thì sẽ được Tòa án xem xét giải quyết bằng một vụ án khác.

Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, ngày 14/3/2019, chị T có đơn rút phần kháng cáo liên quan đến tài sản chung của vợ chồng. Ngày 11/4/2019, chị T tiếp tục có đơn rút yêu cầu kháng cáo liên quan đến tài sản chung và thay đổi nội dung kháng cáo về con chung, cụ thể chị T đề nghị được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh Vũ Mạnh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nội dung thay đổi, bổ sung yêu cầu kháng cáo được thể hiện tại các văn bản gửi Tòa án vào ngày 14/3 và 11/4/2019.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung kháng cáo: Chị T rút yêu cầu kháng cáo xem xét giải quyết về phần tài sản chung, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 và 3 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phần kháng cáo nội dung giải quyết về tài sản chung. Đối với yêu cầu kháng cáo về việc nuôi dưỡng con chung: Điều kiện nuôi con chung của anh D và chị T là ngang nhau, bản án sơ thẩm quyết định giao cho anh D trực tiếp nuôi con chung Vũ Đức D1 và chị T trực tiếp nuôi con chung Vũ Ngọc Lan là có căn cứ, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử

không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Nguyễn Thị T; hiện cư trú tại số 4/369 đường ĐH, phường ĐH, quận HA, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận HA, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm đánh giá như sau:

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T đã có đơn rút phần kháng cáo liên quan đến việc tranh chấp tài sản chung của vợ chồng. Việc rút kháng cáo của chị T là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phần kháng cáo này của chị T.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo của con chung: Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận HA giao con chung Vũ Đức D1 cho anh D nuôi dưỡng và giao Vũ Ngọc Lan cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng. Chị T kháng cáo đề nghị đề nghị được nuôi cả hai con chung. Xét thấy: Về điều kiện kinh tế cả chị T và anh D đều đảm bảo được việc nuôi dưỡng con chung, tuy nhiên từ khi chị T và anh D sống ly thân tháng 02/2017 đến nay cả hai con chung đều trực tiếp ở với chị T nên việc sinh hoạt, học tập của các cháu đã ổn định. Mặt khác tại phiên tòa ngày 08/4/2019 cả hai con chung đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Các con chung đều còn nhỏ, do vậy, để tránh việc ảnh hưởng đến tâm lý, sinh hoạt, học tập của các cháu nên giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung theo nguyện vọng của chị T là phù hợp.

[4] Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Vũ Mạnh D cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau này, nếu chị T có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] Vấn đề cần rút kinh nghiệm với Tòa án cấp sơ thẩm: Tại thời điểm thụ lý vụ án, con chung Vũ Đức D1 chưa đủ 7 tuổi nhưng đến thời điểm xét xử vụ án, con chung Vũ Đức D1 đã đủ 7 tuổi, nhưng Tòa án nhân dân quận HA không hỏi ý kiến của con chung có nguyện vọng ở với bố hay mẹ là chưa đúng quy định của pháp luật theo khoản 3 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 289; khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ khoản 6 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: **Sửa bản án sơ thẩm:**

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo về tài sản chung.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Vũ Đức D1 sinh ngày 27/10/2011 và Vũ Ngọc Lan sinh ngày 01/11/2008 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại chị T 300.000 đồng tiền tạm ứng phú thẩm theo Biên lai thu số 0016710 ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận HA, thành phố Hải Phòng.

3. Các quyết định khác của Bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực ngay kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND quận HA;
- Chi cục THADS quận HA;
- UBND xã MT, H. KT;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Xuân Tuyền